

<p>hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vào đến ruột non thức ăn....gì? - - Phân chất bỏ đi đâu? để làm gì? - Phân chất bã đi đâu? - Ruột già có vai trò gì trong tiêu hoá? - Tại sao cần đại tiện hàng ngày? - Chốt lại: Vào đến ruột non phần lớn thức ăn... tránh táo bón. <p>HD 3: Vận dụng kiến thức vào đời sống.</p> <p>* Mục tiêu: Hiểu đ-ợc ăn chậm nhai kĩ sẽ giúp cho thức ăn đ-ợc tiêu hoá dễ dàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đ-ợc rằng chạy nhảy sau khi ăn no sẽ có hại cho sự tiêu hoá. <p>* Cách tiến hành: GV đặt vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao chúng ta nên ăn chậm nhai kĩ? - Tại sao chúng ta không nên chạy nhảy nô đùa sau khi ăn no? <p>- GV gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ăn chậm nhai kĩ để thức ăn đ-ợc nghiền tốt hơn, làm cho quá trình tiêu hoá đ-ợc thuận lợi. Thức ăn chóng đ-ợc tiêu hoá và nhanh chóng đ-ợc biến đổi thành các chất dinh d-ỡng đi nuôi cơ thể. + Sau khi ăn no ta cần nghỉ ngơi để dạ dày làm việc, tiêu hoá thức ăn, nếu ta chạy nhảy ngay dễ bị cảm thấy đau sót ở bụng, sẽ làm giảm tác dụng của sự tiêu hoá thức ăn ở dạ dày. <p>4. Củng cố ,Dẫn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GDKNS: Ta phải ăn, uống nh- thể nào để thức ăn tiêu hoá tốt? - Thực hiện ăn uống đầy đủ, nhai kĩ... để tiêu hoá tốt. - Nhận xét tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS nêu lại đ-ờng đi của thức ăn. -Đến ruột non thức ăn biến thành chất bổ dưỡng đi nuôi cơ thể. - Đi vào máu để nuôi cơ thể -Phân chất bã đi thải ra ngoài <p>- Cùng GV thảo luận.</p> <p>Học sinh lắng nghe</p> <p><i>HS nêu :Nên và không nên làm gì để giúp thức ăn tiêu hóa được dễ dàng.</i></p> <p>-HS ở miệng thức ăn đ-ợc nghiền nhỏ, l-ỡi nhào trộn, n-ớc bọt làm -ớt...thức ăn dễ tiêu hóa hơn</p>
---	--

Tiết 5

Phân môn: Tập viết

Bài : CHÊ HOA §

I. Mục tiêu:

- Viết đúng chữ hoa Đ (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Đẹp (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Đẹp trường Đẹp lớp (3 lần).
- HS năng khiếu, viết đúng, đẹp và đủ các dòng
- GDKN; - HS tập viết : Đẹp trường đẹp lớp. / Giáo dục ý thức giữ gìn trường lớp luôn sạch đẹp.

II. Đồ dùng dạy học:

GV: Mẫu chữ hoa Đ

Tiết 1; thể dục

Tiết 2

Môn: Toán

Bài : LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- Thuộc bảng 7 cộng với một số.
- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $47+5$, $47+25$.
- Biết giải bài toán theo tóm tắt với một phép cộng.
- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (cột 1,3,4), bài 3, bài 4(dòng 2)

HS trung bình, yếu làm được ít nhất: Bài 1, bài 2 (cột 1,3,4),

HS khá, giỏi, làm được các bài 1, bài 2 (cột 1,3,4), bài 3, bài 4(dòng 2)

II. Đồ dùng dạy học.

GV: Bảng phụ

HS: bảng con...

III. Các hoạt động dạy học.

Hoạt động giáo viên	Hoạt động của học sinh															
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>KT bài:</u></p> <p>- Thực hiện tính : bài 3 tiết trước Cho HS nói cách tính.</p> <p>Nhận xét</p> <p>3. <u>Bài mới:</u></p> <p>a. <u>GT bài:</u> trực tiếp.</p> <p>b. <u>Vào bài:</u></p> <p>Hoạt động 1 :Tổ chức cho HS làm bài tập.</p> <p>- MT : Củng cố và rèn kỹ năng thực hiện phép cộng dạng $47 + 25$, $47 + 5$, $7 + 5$, (cộng qua 10 dạng tính viết)</p> <p><u>Bài 1:</u></p> <p>- GV gọi HS nêu y/c.</p> <p>- Yêu cầu HS nhẩm và nêu k/q.</p> <p>- GV cho HS nhận xét</p> <p>- GVnhận xét</p> <p><u>Bài 2:</u></p> <p>- GV nêu y/c.</p> <p>- Gọi 2 HS lên bảng làm bài.</p> <p>- Yêu cầu nêu cách đặt tính.</p> <p>- GV cho HS nhận xét</p> <p>- GVnhận xét</p>	<p>Hát</p> <p>HS lên bảng làm <u>Bài 3:</u></p> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Đội đó có số người là:</p> $27 + 18 = 45 \text{ (người)}$ <p>Đáp số: 45 người.</p> <p><u>Bài 1</u></p> <table style="width: 100%;"><tr><td>$7 + 3 = 10$</td><td>$7 + 5 = 12$</td></tr><tr><td>$7 + 7 = 14$</td><td>$7 + 9 = 16$</td></tr><tr><td>$5 + 7 = 12$</td><td>$8 + 7 = 15$</td></tr><tr><td>$7 + 4 = 11$</td><td>$7 + 6 = 13$</td></tr><tr><td>$7 + 8 = 15$</td><td>$7 + 10 = 17$</td></tr><tr><td>$6 + 7 = 13$</td><td>$9 + 7 = 16$</td></tr></table> <p><u>Bài 2</u></p> <table style="width: 100%;"><tr><td style="text-align: right;">$\begin{array}{r} 37 \\ + 15 \\ \hline 52 \end{array}$</td><td style="text-align: right;">$\begin{array}{r} 24 \\ + 17 \\ \hline 41 \end{array}$</td><td style="text-align: right;">$\begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline 76 \end{array}$</td></tr></table> <p><u>Bài 3</u></p>	$7 + 3 = 10$	$7 + 5 = 12$	$7 + 7 = 14$	$7 + 9 = 16$	$5 + 7 = 12$	$8 + 7 = 15$	$7 + 4 = 11$	$7 + 6 = 13$	$7 + 8 = 15$	$7 + 10 = 17$	$6 + 7 = 13$	$9 + 7 = 16$	$\begin{array}{r} 37 \\ + 15 \\ \hline 52 \end{array}$	$\begin{array}{r} 24 \\ + 17 \\ \hline 41 \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline 76 \end{array}$
$7 + 3 = 10$	$7 + 5 = 12$															
$7 + 7 = 14$	$7 + 9 = 16$															
$5 + 7 = 12$	$8 + 7 = 15$															
$7 + 4 = 11$	$7 + 6 = 13$															
$7 + 8 = 15$	$7 + 10 = 17$															
$6 + 7 = 13$	$9 + 7 = 16$															
$\begin{array}{r} 37 \\ + 15 \\ \hline 52 \end{array}$	$\begin{array}{r} 24 \\ + 17 \\ \hline 41 \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline 76 \end{array}$														

<p><u>Bài 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu y/c. - GV HD HS cách giải bài toán. - Giải toán theo tóm tắt. - Để tìm số quả cả 2 thùng ta làm ntn? - GV cho HS thực hành. - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét <p><u>Bài 4 :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu y/c. - Điền dấu >, <, = - Để điền dấu đúng trước tiên chúng ta phải làm gì? - GV yêu cầu HS tính nhẩm rồi điền dấu: - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét <p>Bài 5 : Về nhà làm</p> <p><u>4. Củng cố - Dặn dò:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi tính nhanh, tìm kết quả đúng. $\begin{array}{ll} 5 + 7 = \dots & 8 + 7 = \dots \\ 7 + 4 = \dots & 7 + 6 = \dots \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - Về nhà làm các bài tập vào vở. - Nhận xét tiết học. 	<p><u>Bài giải:</u></p> <p>Cả hai thùng có là: $28 + 37 = 65$ (quả) Đáp số: 65 quả.</p> <p><u>Bài 4</u></p> $19 + 7 = 17 + 9 \qquad 23 + 7 = 38 - 8$ <p>Thi tính nhanh, tìm kết quả đúng.</p> $\begin{array}{ll} 5 + 7 = 12 & 8 + 7 = 15 \\ 7 + 4 = 11 & 7 + 6 = 13 \end{array}$	<p><u>Tiết 3</u> <u>Phân môn:</u> <u>Luyện từ</u> <u>và câu</u></p> <p>Bài : CÂU KIÓU AI LÀ G*?</p> <p>KH¹/4NG ẢNH PH^ñ ẢNH, TỔ NGỆ VỬ Ả DĨ NG Hã C TỐP</p> <p><u>I. Mục</u> <u>tiêu:</u></p> <p>- B i ế</p>
---	---	--

t đặt câu hỏi cho các bộ phận câu đã xác định (BT1); đặt được câu phủ định theo mẫu (BT2 bỏ).

- Tìm được một số từ ngữ chỉ đồ dung học tập ẩn trong tranh và cho biết đồ vật ấy dùng để làm gì(BT3).

GV không giảng giải thuật ngữ khẳng định, phủ định (chỉ cho HS làm quen qua HS trung bình, yếu làm được ít nhất: Bài 1, 2

HS khá, giỏi, làm được các bài 1,2,3

II. Đồ dùng dạy học:

GV: Tranh SGK, bảng phụ,

HS: VBT,

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><u>1. Ổn định:</u></p> <p><u>2. KT bài cũ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc cho 2 hs viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con. - Bạc Liêu, Đông Hải - Nhận xét <p><u>3. Bài mới:</u></p> <p>a. <u>Giới thiệu bài:</u> trực tiếp</p> <p>b. <u>Vào bài:</u></p>	<p>Hát:</p> <p>2 hs viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạc Liêu, Đông Hải

HD 1: H- ớng dẫn làm bài tập 1 và 2.
MT: Biết đặt câu hỏi cho các bộ phận câu giới thiệu Ai? (cái gì ? con gì?)

Bài 1:

- GV nêu yêu cầu đề bài.
- GV HD HS đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm.
- GV cho HS đặt câu.
- GV cho HS nhận xét bổ sung.
- GV nhận xét.

Bài 2: GV nêu yêu cầu đề bài.

- GV cho HS làm
- GV cho HS nhận xét bổ sung.

GV nhận xét

HD 2: HD làm bài tập 3.

MT: MRVT: từ ngữ về đồ dùng học tập

Bài 3 :

- GV nêu y/c.
- GV cho HS tìm các đồ dùng học tập trốn trong tranh?
- GV cho HS nhận xét bổ sung.
- GV nhận xét.
- Chúng được dùng làm gì?

4. Củng cố, dặn dò:

- Tổ chức cho HS thi đua đặt câu theo mẫu.
- GV cho học sinh làm câu b,c của bài 2.
- GV nhận xét
- GV nhận xét tiết học
- Về nhà tập nói ,viết câu theo mẫu.

Bài 1

- a) Em là học sinh lớp mấy?
- b) Ai là học sinh giỏi nhất lớp?
- c) Em yêu thích môn học nào?

Bài 2

- a) Tên hai bạn :
Trần Văn Hiếu
Phạm Tuyết Băng
- b) Sông : Kênh Xáng

Bài 3

- 4 quyển vở
- 3 cặp đi học
- 2 lọ mực.
- 2 bút chì.
- 1 thước kẻ.
- 1 e ke.
- 1 com pa.

HS thi đua đặt câu theo mẫu.

- Bạn là học sinh lớp mấy?
- b) - *Em không thích nghỉ học đâu!*
 - *Em có thích nghỉ học!*
 - *Em đâu có thích nghỉ học!*
- c) - *Đây không phải là đường đến trường đâu!*
 - *Đây có phải là đường đến trường đâu!*
 - *Đây đâu có phải là đường đến trường!*